

Số: 107/2026/QĐST - DS

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ các điều 116, 280, 293, 298, 299, 303, 317, khoản 3 Điều 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, 357, khoản 4 Điều 422, 463, khoản 1 Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 12, Điều 15, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06/8/2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 274/2026/TLST-DS ngày 25/5/2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà H, 412 NTMK, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 28/26/BVBank/UQ-QL&THN): ông Phan Văn S

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960

Nơi cư trú: khu T, phường M2, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 06/8/2026 bà Nguyễn Thị V còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là: 4.803.798.252đ (*bốn tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 4.300.000.000đ (*bốn tỷ ba trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 485.563.729đ (*bốn trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn là 18.234.523đ (*mười tám triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 07/8/2026 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ, bà Nguyễn Thị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0452500021300 ngày 25/8/2025 và Đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 0452500021300001 ngày 27/8/2025.

2.2. Ngân hàng TMCP B và bà Nguyễn Thị V cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 15/8/2026, bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 06/8/2026 là: 4.803.798.252đ (*bốn tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 4.300.000.000đ (*bốn tỷ ba trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 485.563.729đ (*bốn trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn là 18.234.523đ (*mười tám triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/8/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0452500021300 ngày 25/8/2025 và Đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 0452500021300001 ngày 27/8/2025.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: Khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M2, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành DM88XXX, số vào sổ cấp GCN: CH037XX do UBND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07/11/2023 cho bà Nguyễn Thị V. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0452400013800 ngày 21/6/2024, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Q, số công chứng:

1153, quyền số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0452400013801 ngày 26/8/2025, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Q, số công chứng: 1467/2025/CCGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng TMCP B thì bà Nguyễn Thị V vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B.

2.5. Về án phí: bà Nguyễn Thị V phải nộp 28.200.449đ (*hai mươi tám triệu hai trăm nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí bà Vương tự nguyện nộp thay cho Ngân hàng TMCP B).

Miễn cho bà Nguyễn Thị V 28.200.449đ (*hai mươi tám triệu hai trăm nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí bà Vương phải chịu).

Trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.325.391đ (*năm mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi một đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002150 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

2.6. Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị V phải nộp 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này được trả cho Ngân hàng TMCP B là bên đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN**(đã ký)****Nguyễn Thu Hương**